

Bản án: 21 /2024/ HNGĐ - ST

Ngày 12/ 07/ 2024

“ V/v tranh chấp ly hôn, con chung ”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát;

2. Ông Vi Quang Thái;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 11 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 04 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXX- ST ngày 31 tháng 05 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/HPT-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; Có mặt  
Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1975; Vắng mặt  
Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn cùng với ông Hoàng Văn L1 vào tháng 10/2012, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S. Sau khi lấy nhau xong bà về gia đình ông L1 ở chung sống cùng nhau, quá trình chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn đã phát sinh từ nhiều năm nay nhưng gần nhất là từ tháng 2 năm 2024, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, do ông L1 hay ghen vô cớ do có nghi ngờ bà đi ngoại tình với người khác, do đó nên hay cãi nhau nhiều lần, ông L1 có đánh bà nhiều lần. Vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân về tình cảm từ tháng 03 năm 2024 cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông L1 được ly hôn.

*Về con chung:* Bà và ông L1 có 02 con chung là cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Hoàng Anh T1, sinh ngày 11/03/2020, hiện 02 cháu đang ở cùng với bố mẹ. Vợ chồng ly hôn bà có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, về cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu. Bà hiện đang đi làm may thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng, bà có nhà riêng và bà đảm bảo được việc nuôi con khi được giao.

*Về tài sản:* Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2] Những lời khai của bị đơn anh Hoàng Văn L1 trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị L vào tháng 10/2012, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S. Sau ngày cưới bà L về gia đình ông ở chung sống cùng nhau, quá trình chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 02 năm 2024, nguyên nhân do cả hai vợ chồng không hợp nhau, anh hay ghen tuông và nghi ngờ bà L đi ngoại tình với người khác, do đó thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân về mặt tình cảm từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà L đề nghị ly hôn ông không đồng ý.

*Về con chung:* Ông và bà L có 02 con chung là cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Hoàng Anh T1, sinh ngày 11/03/2020, hiện 02 cháu đang ở cùng với ông và bà L. Nếu vợ chồng ly hôn ông đề nghị để bà L nuôi cả 02 con, về cấp dưỡng nuôi con ông tự nguyện cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện ông đang làm Công ty, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ/tháng.

*Về tài sản:* Ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn L1 được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Hoàng Anh T1, sinh ngày 11/03/2020; Về cấp dưỡng nuôi con bà L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết ly hôn với ông Hoàng Văn L1, ông L1 hiện đang cư trú tại huyện S. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa thì ông L1 vẫn vắng mặt. Do ông L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L kết hôn với ông Hoàng Văn L1 vào tháng 10/2012, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện S số 31 ngày 01 tháng 10 năm 2012. Sau khi cưới, bà L về gia đình ông L1 ở chung sống cùng nhau; quá trình chung sống ban đầu tình cảm hòa thuận hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L1 là hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 02 năm 2024, nguyên nhân do cả hai vợ chồng không hợp nhau, ông L1 hay ghen tuông và nghi ngờ bà L đi ngoại tình với người khác nhưng không có căn cứ đưa ra, do đó thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã sống ly thân về mặt tình cảm từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình”.

Xét thấy: Bà L và ông L1 đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, bà L và ông L1 đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo đó, cả hai đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển. Nay bà L đề nghị ly hôn ông L1 không đồng ý; Tuy nhiên, căn cứ vào các quy định của pháp luật cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L và ông L1 được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà L, ông L1 có 02 con chung là cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Hoàng Anh T1, sinh ngày 11/03/2020, hiện 02 cháu đang ở cùng với cả hai anh chị. Bà L có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu; Ông L1 có nguyện vọng để cho bà L nuôi cả hai cháu. Do cháu T1 còn nhỏ và ý kiến của cháu T có nguyện vọng xin được ở với bà L. Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà L là chính đáng và ông L1 cũng có nguyện vọng để cho bà L được nuôi cả hai cháu. Căn cứ vào việc làm, thu nhập của bà L1, ý kiến của cháu T cũng như do cháu T1 còn nhỏ nên cần phải nhận được quan tâm, chăm sóc từ mẹ; để đảm bảo quyền của bà mẹ và trẻ em, chia sẻ trách nhiệm của bố mẹ đối với các con cũng như quyền lợi về mọi mặt của con nên yêu cầu của của bà L được chấp nhận theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Hoàng Anh T1, sinh ngày 11/03/2020 là hợp lý. Do bà L không yêu cầu ông L1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Bà L, ông L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà L thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L và ông Hoàng Văn L1 được ly hôn nhau.

[2] Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cháu Hoàng Đình T, sinh ngày 12/01/2007 và cháu Hoàng Anh T1, sinh ngày 11/03/2020; Về cấp dưỡng nuôi con bà L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L được miễn án phí ly hôn. Hoàn trả ông Hoàng Văn L1 số tiền 300.000đ nộp tạm ứng án phí ngày 05 tháng 04 năm 2024 tại biên lai số 0008573 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Long Sơn;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Toàn**